

Biểu mẫu 07

Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

UBND HUYỆN NGHĨA HƯNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC XÃ NGHĨA LỢI

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2025 -2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	14/14	1 phòng/lớp
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	14	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	8073	16 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4.950	10 m ² /HS
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	720	48 m ² /phòng
2	Diện tích thư viện (m ²)	90	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	60	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	60	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	60	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	45	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	30	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	90	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính:		Số bộ/lớp

	bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	96	32
1.2	Khối lớp 2	85	28
1.3	Khối lớp 3	93	31
1.4	Khối lớp 4	92	46
1.5	Khối lớp 5	98	49
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	15	1 bộ/lớp
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	20	1TV/lớp
2	Cát xét	1	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Thiết bị khác	0	
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng,	Số chỗ	Diện tích bình
--	----------	-----------------	--------	----------------

		tổng diện tích (m ²)		quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT áp dụng từ ngày 20/10/2020 ban hành điều lệ trường tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Nghĩa Lợi, ngày 30 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Hồng Duy